

QUYẾT ĐỊNH
Quy định quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và lễ phục
của Quân đội nhân dân Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; đã sửa đổi, bổ sung một số điều ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2002/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ quy định quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và lễ phục của Quân đội nhân dân Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/1998/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I
QUÂN HIỆU, CẤP HIỆU, PHÙ HIỆU
CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 1. Quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam

Quân hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam hình tròn, ở giữa có ngôi sao nổi màu vàng, xung quanh có hai bông lúa màu vàng đặt trên nền đỏ tươi; phía dưới hai bông lúa có hình nửa bánh xe răng màu vàng, vành ngoài quân hiệu màu vàng. Riêng quân hiệu của Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Cảnh sát biển) có phần nền hai bông lúa màu xanh dương.

Quân hiệu có 03 loại: đường kính 36 mm, đường kính 33 mm và đường kính 28mm. Quân hiệu có đường kính 36 mm và 28 mm dập liền với cảnh tùng kép màu vàng; riêng phần dưới, chính giữa nơ cảnh tùng kép (loại đường kính 36 mm và 28 mm), trên nửa bánh xe răng (loại đường kính 33 mm) của Cảnh sát biển có chữ CSB màu đỏ.

Điều 2. Cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam mang trên vai áo. Cấu tạo cơ bản của cấp hiệu gồm: nền, đường viền, cúc cấp hiệu, sao và gạch (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp), vạch (đối với hạ sĩ quan, binh sĩ).

2. Cấp hiệu của sĩ quan.

a) Nền cấp hiệu màu vàng tươi; riêng Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây, Cảnh sát biển màu xanh dương.

b) Đường viền của cấp hiệu:

Lục quân và Bộ đội Biên phòng màu đỏ tươi;

Phòng không - Không quân màu xanh hoà bình;

Hải quân màu tím than;

Cảnh sát biển màu vàng.

c) Trên cấp hiệu có sao, cúc cấp hiệu; cấp hiệu của cấp tướng không có gạch ngang, của cấp tá có hai gạch ngang, của cấp úy có một gạch ngang. Số lượng sao trên cấp hiệu:

Thiếu úy, Thiếu tá, Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân: 01 sao;

Trung úy, Trung tá, Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân: 02 sao;

Thượng úy, Thượng tá, Thượng tướng, Đô đốc Hải quân: 03 sao;

Đại úy, Đại tá, Đại tướng: 04 sao.

d) Sao, gạch và cúc cấp hiệu của sĩ quan màu vàng. Cúc cấp hiệu hình tròn, dập nổi hoa văn (cấp tướng hình Quốc huy; cấp tá, cấp úy hình hai bông lúa xung quanh và ngôi sao năm cánh ở giữa).

3. Cấp hiệu của quân nhân chuyên nghiệp cơ bản như cấp hiệu của sĩ quan quy định tại khoản 2 Điều này; chỉ khác, trên nền cấp hiệu có một đường màu hồng rộng 5 mm ở chính giữa theo chiều dọc cấp hiệu. Số lượng sao trên cấp hiệu:

Chuẩn úy: chỉ có gạch, không có sao;

Thiếu úy, Thiếu tá: 01 sao;

Trung úy, Trung tá: 02 sao;

Thượng úy, Thượng tá: 03 sao;

Đại úy: 04 sao.

4. Cấp hiệu của hạ sĩ quan, binh sĩ.

a) Nền cấp hiệu màu xám nhạt; riêng Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây, Cảnh sát biển màu xanh dương.

b) Đường viền cấp hiệu có màu sắc như đường viền cấp hiệu của sĩ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

c) Trên cấp hiệu có cúc cấp hiệu như của sĩ quan cấp tá, cấp úy quy định tại điểm d khoản 2 Điều này và vạch ngang hoặc vạch hình chữ V bằng tơ màu đỏ tươi thể hiện cấp bậc:

Binh nhì: một vạch hình chữ V;

Binh nhất: hai vạch hình chữ V;

Hạ sĩ: một vạch ngang;

Trung sĩ: hai vạch ngang;

Thượng sĩ: ba vạch ngang.

d) Hạ sĩ quan, binh sĩ Hải quân khi mặc quân phục kiểu áo có yếm mang cấp hiệu ở bả vai áo. Nền cấp hiệu màu tím than, có hình phù hiệu Hải quân ở giữa và vạch ngang bằng tơ màu vàng tươi thể hiện cấp bậc:

Binh nhì: một vạch ở đầu dưới cấp hiệu;

Binh nhất: hai vạch ở hai đầu cấp hiệu;

Hạ sĩ: một vạch ở giữa cấp hiệu;

Trung sĩ: hai vạch cân đối ở giữa cấp hiệu;

Thượng sĩ: ba vạch cân đối ở giữa cấp hiệu.

5. Cấp hiệu của học viên.

a) Cấp hiệu của học viên là sĩ quan thực hiện như cấp hiệu của sĩ quan quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Cấp hiệu của học viên đào tạo sĩ quan có cúc cấp hiệu như của sĩ quan cấp tá, cấp úy quy định tại điểm d khoản 2 Điều này và đường viền bằng tơ màu vàng tươi rộng 6 mm ở nền cấp hiệu. Màu nền cấp hiệu:

Lục quân màu đỏ tươi;

Phòng không - Không quân màu xanh hoà bình;

Hải quân màu tím than;

Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây;

Cảnh sát biển màu xanh dương.

c) Cấp hiệu của học viên đào tạo hạ sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật có cấu tạo và màu sắc như cấp hiệu của học viên đào tạo sĩ quan quy định tại điểm b khoản này; chỉ khác, nền cấp hiệu không có đường viền bằng tơ màu vàng tươi rộng 6 mm.

Điều 3. Phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Phù hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam mang trên ve cổ áo, gồm nền phù hiệu và hình phù hiệu.

a) Màu nền phù hiệu:

Lục quân màu đỏ tươi;

Phòng không - Không quân màu xanh hoà bình;

Hải quân màu tím than;

Bộ đội Biên phòng màu xanh lá cây;

Cảnh sát biển màu xanh dương.

b) Trên nền phù hiệu có hình phù hiệu quân chủng, binh chủng, ngành nghề chuyên môn màu vàng. Nền phù hiệu của cấp tướng có viền màu vàng rộng 5 mm ở ba cạnh. Phù hiệu của cấp tướng binh chủng hợp thành không có hình phù hiệu.

2. Hình phù hiệu quân chủng, binh chủng, ngành nghề chuyên môn.

Binh chủng hợp thành - Bộ binh: hình thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo.

Bộ binh cơ giới: hình xe bọc thép đặt trên thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo.

Đặc công: hình dao găm đặt trên khối bọc phá, dưới có mũi tên vòng.

Tăng - Thiết giáp: hình xe tăng nhìn ngang.

Pháo binh: hình hai nòng súng thần công đặt chéo.

Hoá học: hình tia phóng xạ trên hình nhân ben-zen.

Công binh: hình cuốc, xẻng trên nửa bánh xe răng.

Thông tin: hình sóng điện.

Bộ đội Biên phòng: hình thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo, trên vòng tròn không khép kín, dưới hình vòng cung có ký hiệu đường biên giới Quốc gia.

Quân chủng Phòng không - Không quân: hình sao trên đôi cánh chim.

Bộ đội nhảy dù: hình máy bay trên dù đang mở.

Tên lửa: hình tên lửa trên nền mây.

Cao xạ: hình khẩu pháo cao xạ.

Ra-đa: hình cánh ra-đa trên bệ.

Quân chủng Hải quân: hình mỏ neo.

Hải quân đánh bộ: hình mỏ neo trên thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo.

Cảnh sát biển: hình tròn, xung quanh có hai bông lúa đập nổi màu vàng, ở giữa có hình mỏ neo màu xanh dương và chữ CSB màu đỏ.

Ngành Hậu cần - Tài chính: hình thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo, dưới có bông lúa.

Quân y, Thú y: hình chữ thập đỏ trong hình tròn.

Ngành Kỹ thuật: hình com-pa trên chiếc búa.

Lái xe: hình tay lái trên nhíp xe.

Cơ quan tiến hành tố tụng, kiểm soát quân sự: hình mộc trên hai thanh kiếm đặt chéo.

Quân nhạc: hình chiếc kèn và sáo đặt chéo.

Thể dục thể thao: hình cung tên.

Văn hoá nghệ thuật: hình biểu tượng âm nhạc và cây đàn.

Điều 4. Phù hiệu kết hợp cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam

Phù hiệu kết hợp cấp hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam mang trên ve cổ áo quân phục dã chiến có cấu tạo cơ bản gồm: nền phù hiệu, hình phù hiệu (cấp tướng binh chủng hợp thành không gắn hình phù hiệu), sao, gạch (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp), vạch (đối với hạ sĩ quan); riêng cấp tướng không có gạch và binh sĩ không có vạch. Màu nền phù hiệu kết hợp cấp hiệu và màu hình phù hiệu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

1. Sĩ quan.

a) Số lượng sao trên phù hiệu kết hợp cấp hiệu của sĩ quan như số lượng sao trên cấp hiệu của sĩ quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

b) Sao, gạch của sĩ quan trên phù hiệu kết hợp cấp hiệu có màu vàng; cấp tá có hai gạch dọc, cấp úy có một gạch dọc.

2. Quân nhân chuyên nghiệp có phù hiệu kết hợp cấp hiệu như phù hiệu kết hợp cấp hiệu của sĩ quan quy định tại khoản 1 Điều này, riêng chuẩn úy không có sao.

3. Hạ sĩ quan, binh sĩ.

a) Phù hiệu kết hợp cấp hiệu của hạ sĩ quan gồm nền phù hiệu, hình phù hiệu, sao màu vàng và một vạch dọc bằng tơ màu vàng tươi rộng 3 mm. Số lượng sao trên phù hiệu kết hợp cấp hiệu:

Hạ sĩ: 1 sao;

Trung sĩ: 2 sao;

Thượng sĩ: 3 sao.

b) Phù hiệu kết hợp cấp hiệu của binh sĩ gồm nền phù hiệu, hình phù hiệu và sao màu vàng. Số lượng sao trên phù hiệu kết hợp cấp hiệu:

Binh nhì: 1 sao;

Binh nhất: 2 sao.

4. Học viên.

a) Phù hiệu kết hợp cấp hiệu của học viên là sĩ quan như phù hiệu kết hợp cấp hiệu của sĩ quan quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Phù hiệu kết hợp cấp hiệu của học viên đào tạo sĩ quan gồm nền phù hiệu, một vạch dọc bằng tơ màu vàng tươi rộng 5 mm và hình phù hiệu, không có sao.

c) Phù hiệu kết hợp cấp hiệu của học viên đào tạo hạ sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật cơ bản như của học viên đào tạo sĩ quan; chỉ khác, vạch dọc bằng tơ màu vàng tươi rộng 3 mm.

Chương II

LỄ PHỤC CỦA SĨ QUAN, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 5. Lễ phục mùa đông

1. Nam sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp.

a) Mũ kêpi.

Kiểu mũ kêpi K08 có đỉnh hình ôvan. Trên mũ có gắn quân hiệu đường kính 36 mm.

Vành và đỉnh mũ: Lục quân và Bộ đội Biên phòng màu olive sẫm; Phòng không - Không quân màu xanh đậm; Hải quân màu tím than, xung quanh có viền lé màu trắng; Cảnh sát biển màu xanh đen.

Thành mũ: Lục quân màu đỏ, Biên phòng màu xanh lá cây, Phòng không - Không quân màu xanh hoà bình, Hải quân màu tím than, Cảnh sát biển màu xanh dương.

Lưỡi trai mũ màu đen, phía trước thành mũ, trên lưỡi trai có dây coóc đồng màu vàng, hai đầu dây coóc đồng gắn với mũ bằng cúc chốt hình tròn, màu vàng. Cụ thể:

- Sĩ quan cấp tướng: cúc chốt dập nổi hình Quốc huy; riềm lưỡi trai dập nổi hình hai bông lúa liền nhau màu vàng, giữa cổ hai bông lúa có thắt nơ, đầu hai bông lúa quay về phía thành mũ;

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp cấp tá, cấp úy: cúc chốt dập nổi hình ngôi sao năm cánh; riềm lưỡi trai như của sĩ quan cấp tướng, nhưng có kích thước nhỏ hơn.

b) Quần áo lễ phục sĩ quan nam mùa đông K08.

Áo: thân trước có 04 túi ốp nổi, nẹp áo cài 04 cúc. Cúc áo hình tròn, bằng đồng mạ màu vàng, mặt trước dập nổi hoa văn (cấp tướng hình Quốc huy, cấp tá, cấp úy hình bông lúa xung quanh và ngôi sao năm cánh ở giữa). Cúc áo có 02 loại:

- Loại đường kính 22 mm, đính trên nẹp áo và 02 túi áo dưới;
- Loại đường kính 18 mm, đính 02 túi áo trên.

Đối với Hải quân, phía trên bả tay áo có các đường viền màu vàng thể hiện cấp bậc. Đối với Cảnh sát biển, trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu ngành.

Quần: kiểu quần âu có 02 túi chéo, thân trước mỗi bên xếp 01 ly, thân sau mỗi bên chiết 01 ly, có 02 túi hậu.

Màu sắc quần áo: Lục quân và Bộ đội Biên phòng màu olive sẫm, Phòng không - Không quân màu xanh đậm, Hải quân màu tím than, Cảnh sát biển màu xanh đen.

Áo sơ mi mặc trong: kiểu áo chít gấu dài tay, cổ đứng, màu trắng.

Caravat: màu sắc cùng với màu quần áo.

Cấp hiệu mang trên vai áo: thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Phù hiệu mang trên ve cổ áo: cấp tướng mang nền phù hiệu có gắn hình phù hiệu quân chủng, binh chủng hoặc ngành nghề chuyên môn (cấp tướng binh chủng hợp thành không gắn hình phù hiệu); cấp tá, cấp úy gắn cảnh tùng đơn liền sao nhỏ màu vàng.

c) Giày, bít tất.

Giày da thấp cổ, màu đen, có dây buộc. Cấp tướng, mũi giày không có bo ngang, buộc dây cố định, có chun co giãn; cấp tá, mũi giày có bo ngang, buộc dây cố định, có chun co giãn; cấp úy, mũi giày có bo ngang, buộc dây.

Bít tất: Lục quân và Bộ đội Biên phòng màu olive sẫm; Phòng không - Không quân màu xanh đậm; Hải quân, Cảnh sát biển màu tím than.

2. Nữ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp.

a) Mũ mềm.

Kiểu mũ vải K08, liền vành, lật 2 bên tai và sau gáy. Dây coóc đông màu vàng; cúc chốt mũ, thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trên mũ có gắn quân hiệu đường kính 28 mm.

Màu sắc: Lục quân và Biên phòng màu olive sẫm; Phòng không - Không quân màu xanh đậm; Hải quân màu tím than, có viền lé màu trắng xung quanh đường diễu thành mũ; Cảnh sát biển màu xanh đen.

b) Quần áo lễ phục sĩ quan nữ mùa đông K08.

Áo: thân trước, dưới có hai túi ốp nổi, nẹp áo cài 04 cúc. Cúc áo, loại đường kính 22 mm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Đối với Hải quân và Cảnh sát biển, trên tay áo có đặc điểm riêng, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Quần: kiểu quần âu có 02 túi dọc, thân trước mỗi bên xếp 01 ly, thân sau mỗi bên chiết 01 ly, không có túi hậu.

Màu sắc quần áo; áo sơ mi mặc trong; caravat; cấp hiệu mang trên vai áo và phù hiệu mang trên ve cổ áo, thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

c) Giày, bít tất.

Giày da thấp cổ, màu đen, buộc dây cố định, có chun co giãn.

Bít tất, thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 6. Lễ phục mùa hè

1. Nam sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp

a) Mũ kêpi.

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định này, riêng Hải quân vành và đỉnh mũ màu trắng.

b) Quần áo lễ phục sĩ quan nam mùa hè K08.

Áo: kiểu ký giả ngắn tay; thân áo trước có 04 túi ốp nổi; nẹp áo cài 04 cúc; màu sắc, hoa văn, đường kính và vị trí đính cúc áo như áo lễ phục sĩ quan nam mùa đông K08, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định này. Đối với Cảnh sát biển, trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu ngành.

Quần; cấp hiệu mang trên vai áo và phù hiệu mang trên ve cổ áo thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

Màu sắc quần áo: Lục quân và Bộ đội Biên phòng màu olive sẫm, Phòng không - Không quân màu xanh đậm, Hải quân màu trắng, Cảnh sát biển màu xanh đen.

c) Giày, bít tất.

Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Quyết định này; riêng Hải quân, giày và bít tất màu trắng.

2. Nữ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp.

a) Mũ mềm.

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định này; riêng Hải quân đính và thành mũ màu trắng, nắp thành và vành mũ màu tím than.

b) Váy áo lễ phục sĩ quan nữ mùa hè K08.

Áo: kiểu áo ký giả ngắn tay; hai túi ốp nổi ở dưới thân áo trước; nẹp áo cài 04 cúc; màu sắc, hoa văn, đường kính và vị trí đính cúc áo như áo lễ phục sĩ quan nam mùa đông K08, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định này. Đối với Cảnh sát biển, trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu ngành.

Váy: kiểu ba thân, dài qua đầu gối, phía dưới sau váy có xẻ.

Màu sắc váy áo: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Cấp hiệu mang trên vai áo, phù hiệu mang trên ve cổ áo thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

c) Ghệt, quần tất.

Ghệt da cao cổ có khoá kéo, màu đen (riêng Hải quân màu trắng), mũi ghệt không có bo ngang.

Quần tất màu da chân.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2009. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 8. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

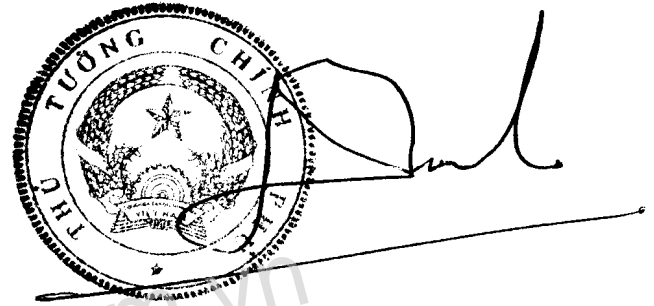
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b). M 290

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng